BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

STT	Thông tin sinh viên							TBC TK	Điểm TB Thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Ghi chú
	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học					
1	1111500826	Vũ Châu Thiên	ái	Nữ	06/04/1980	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	8.18	7.94	8.14	Giỏi	
2	1111500779	Nguyễn Thị ý	An	Nữ	27/06/1990	Thành phố Cần Thơ	11CDDL01	7.61	7.06	7.54	Khá	
3	1111500797	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	02/05/1963	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	8.11	7.63	8.06	Giỏi	
4	1111500832	Đoàn Thị Ngọc	ánh	Nữ	06/07/1984	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.12	6.19	7.01	Khá	
5	1111500793	Hà Thị Kim	Cúc	Nữ	26/10/1991	Tỉnh Nghệ An	11CDDL01	7.46	7.63	7.46	Khá	
6	1111500817	Nguyễn Tiêu	Dao	Nam	09/09/1979	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.6	7	7.55	Khá	
7	1111500823	Nguyễn Thị Thu	Dung	Nữ	16/10/1991	Tỉnh Bến Tre	11CDDL01	7.15	7.56	7.2	Khá	
8	1111500816	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	02/04/1987	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	6.98	6.44	6.92	Trung bình khá	
9	1111500789	Châu Thị Mỹ	Hằng	Nữ	18/02/1991	Tỉnh Tây Ninh	11CDDL01	7.82	7.19	7.77	Khá	
10	1111500804	Võ Trần	Hiền	Nam	07/09/1991	Tỉnh Tiền Giang	11CDDL01	7.64	7.63	7.63	Khá	
11	1111500813	Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	10/06/1991	Tỉnh Đắk Lắk	11CDDL01	7.1	6.81	7.07	Khá	
12	1111500852	Lê Thị Kim	Hoàng	Nữ	28/04/1979	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.14	8	7.21	Khá	
13	1111500783	Trần Hữu	Học	Nam	14/02/1983	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.29	6.63	7.22	Khá	
14	1111500800	Nguyễn Thị Kim	Hồng	Nữ	19/12/1960	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.23	6.44	7.13	Khá	
15	1111500834	Nguyễn Thái	Hùng	Nam	06/04/1985	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.62	8	7.65	Khá	
16	1111500815	Trần Thị	Huyền	Nữ	18/05/1990	Tỉnh Quảng Ngãi	11CDDL01	7.6	7.81	7.61	Khá	
17	1111500788	Trần Thị Hồng	Kiệu	Nữ	26/09/1991	Tỉnh Bến Tre	11CDDL01	7.72	7.44	7.68	Khá	
18	1111500778	Huỳnh Thị	Linh	Nữ	28/10/1985	Tỉnh Sóc Trăng	11CDDL01	7.11	8.06	7.2	Khá	
19	1111500829	Võ Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	24/08/1991	Tỉnh Long An	11CDDL01	7.11	6.56	7.04	Khá	
20	1111500799	Trần Thị Kim	Luyến	Nữ	01/06/1973	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.7	7.44	7.66	Khá	
21	1111500798	Hồ Thị Tuyết	Mai	Nữ	06/09/1966	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.63	7.31	7.6	Khá	

STT	Thông tin sinh viên							TBC TK	Điểm TB Thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Ghi chú
	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học					
22	1111500802	Bùi Thị Thu	Ngân	Nữ	13/10/1991	Tỉnh Tiền Giang	11CDDL01	7.12	7.63	7.15	Khá	
23	1111500811	Đặng Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	22/04/1988	Tỉnh Long An	11CDDL01	7.58	7.94	7.6	Khá	
24	1111500790	Phạm Hoàng	Oanh	Nữ	08/01/1990	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.09	8	7.16	Khá	
25	1111500807	Ngô Ngọc	Phước	Nam	03/10/1991	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.46	7.88	7.51	Khá	
26	1111500828	Trần Ngọc	Phượng	Nữ	16/01/1977	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.39	8.38	7.48	Khá	
27	1111500838	Đoàn Minh	Sang	Nam	11/12/1990	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.73	8.75	7.84	Khá	
28	1111500814	Lê Thiện	Sanh	Nam	17/05/1987	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.18	7.31	7.18	Khá	
29	1111500794	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	28/01/1990	Tỉnh Bến Tre	11CDDL01	7.95	7.56	7.89	Khá	
30	1111500809	Ngô Thùy Vân	Thanh	Nữ	24/09/1985	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.51	7.19	7.49	Khá	
31	1111500812	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	10/07/1988	Tỉnh Hà Tĩnh	11CDDL01	6.95	6.81	6.94	Trung bình khá	
32	1111500801	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	19/02/1961	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.43	7.63	7.44	Khá	
33	1111500777	Trần Huỳnh Phương	Thảo	Nữ	06/12/1990	Tỉnh Ninh Thuận	11CDDL01	7.28	7.63	7.3	Khá	
34	1111500781	Trần Phương	Thảo	Nữ	26/10/1991	Tỉnh Bạc Liêu	11CDDL01	7.14	6.63	7.09	Khá	
35	1111500883	Nguyễn Thị Mỹ	Tho	Nữ	03/11/1989	Tỉnh Ninh Thuận	11CDDL01	7.67	8.88	7.78	Khá	
36	1111500787	Hà Thị	Thu	Nữ	10/10/1990	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.02	6.56	6.95	Trung bình khá	
37	1111500795	Huỳnh Thị Anh	Thư	Nữ	21/04/1990	Tỉnh Bến Tre	11CDDL01	7.19	7.06	7.15	Khá	
38	1111500803	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	18/06/1991	Tỉnh Ninh Thuận	11CDDL01	7.83	7.63	7.8	Khá	
39	1111500792	Đậu Thị	Thủy	Nữ	13/11/1991	Tỉnh Nghệ An	11CDDL01	6.84	7	6.85	Trung bình khá	
40	1111500837	Trần Thị Hồng	Thủy	Nữ	18/02/1990	Tỉnh Đồng Nai	11CDDL01	7.26	7.38	7.28	Khá	
41	1111500884	Phạm Cao Thị Thùy	Trang	Nữ	01/04/1987	Tỉnh Tiền Giang	11CDDL01	8.01	8	8.01	Giỏi	
42	1111500830	Hồ Xuân	Tuyến	Nam	03/09/1971	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.13	7.06	7.14	Khá	
43	1111500818	Lê Hữu	Tuyến	Nam	15/01/1987	Tỉnh Đắk Lắk	11CDDL01	7.49	7.75	7.54	Khá	
44	1111500782	Nguyễn Thị Kim	Tuyết	Nữ	06/06/1989	Tỉnh Đắk Lắk	11CDDL01	7.73	8.06	7.78	Khá	
45	1111500784	Mai Huỳnh Thu	Vân	Nữ	17/09/1990	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	6.92	6.94	6.91	Trung bình khá	
46	1111500808	Trần Thị Hồng	Vân	Nữ	09/06/1990	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.6	7.88	7.64	Khá	

STT	Thông tin sinh viên							TBC TK	Điểm TB Thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Ghi chú
	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học					
47	1111500786	Võ Trung	Việt	Nam	22/06/1991	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.48	6.81	7.42	Khá	
48	1111500791	Nguyễn Thị Bé	Xuân	Nữ	04/05/1988	Tỉnh Bình Thuận	11CDDL01	7.56	7.13	7.51	Khá	
49	1111500833	Trần Ngọc	Yến	Nữ	22/02/1981	TP. Hồ Chí Minh	11CDDL01	7.58	7.31	7.55	Khá	

Tp.HCM, ngày 21 tháng 05 năm 2014

Ban giám hiệu
(họ tên và chữ ký)

Phòng đào tạo
(họ tên và chữ ký)

Trưởng khoa
(họ tên và chữ ký)

Người lập biểu
(họ tên và chữ ký)